

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2023/DS-PT
Ngày: 03/7/2023
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng
đất và yêu cầu tháo dỡ công trình xây
dựng trái phép.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/6, 26/6 và ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST, ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 189/2022/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Bùi Văn T và bà Trương Thị Y. Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: 1592/1, ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Đoàn Văn Đ; Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đoàn Văn T (Đ), địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

2. Ông Đoàn Văn L, địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

3. Ông NVăn Đ, địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

4. Ông NVăn H, địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).
 5. Ông NVăn T, địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).
 6. Bà Trần Thị Thanh P, địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).
 7. Ông NTrung T, địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).
 8. Ông NTrung T, địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).
- Người kháng cáo: Ông Bùi Văn T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày:* Vào tháng 03/2015 vợ chồng ông T, bà Y có thỏa thuận với ông Nguyễn Hữu N nhận chuyển nhượng nhà và đất mà trước đây ông N đã mua của ông Nguyễn Văn T nhưng chưa làm thủ tục sang tên, tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 54, diện tích 537,5 m² tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, đất đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông T, cùng với một phần đất liền kề có hình tam giác ra đến giáp lộ mà trước đó ông N đã mua của bà Nguyễn Thị H (Tư D) do ông Nguyễn Văn Đ (con bà H) và anh Nguyễn Văn H (con ông Đ) đại diện bán. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông T, bà Y tiến hành bơm cát và đã thỏa thuận với 02 người anh của ông Đ là ông Đoàn Văn T và Đoàn Văn L mua thêm phần đất giáp lộ liền kề với phần đất hình tam giác kể trên để sử dụng. Như vậy, ngoài phần đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, vợ chồng ông T, bà Y còn phần đất liền kề đến giáp lộ có diện tích khoảng 53,72 m² nhưng đã bị ông Đoàn Văn Đ bao chiếm, sử dụng, xây nhà tiền chế và làm hàng rào trên phần đất này. Phần đất bị bao chiếm có số đo và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất của bà Hai, số đo 01m
- Hướng Tây giáp đất của bà Chín Quế, số đo 7,5m
- Hướng Nam giáp lộ nhựa, số đo 12,64m
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 08 ông T, bà Y đang sử dụng, số đo 12,64m.

Nay ông Bùi Văn T và bà Trương Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Văn Đ phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên phần đất bao chiếm diện tích 53,72 m² liền kề thửa đất số 08, tờ bản đồ số 54, diện tích 537,5 m² tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng có tứ cạnh nêu trên, trả lại hiện trạng ban đầu và trả lại diện tích đất này cho ông T, bà Y để sử dụng.

* *Bị đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày:* Ông Đ và các anh em của ông đang sử dụng thửa đất của cha mẹ để lại tại thửa đất số 04, diện tích 7.810 m² tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, đất đã được cấp giấy chứng nhận cho

ông Đoàn Văn T (là cha của ông Đ, ông T đã chết). Ông T có tất cả 11 người con. Phân đất này trước đây Nhà nước làm lộ mới cắt ngang chia thành hai phần, một phần bên phía giáp sông Mang Cá đi Kế Sách và một phần giáp bên ông T. Hiện nay phần đất của cha mẹ để lại theo giấy chứng nhận nêu trên thì đang có sự tranh chấp về thừa kế chưa được giải quyết. Đối với phần đất giáp với ông T thì ông T cho rằng trước đây ông đã mua do hai người anh của ông Đ là ông Đoàn Văn Đ (T) và Đoàn Văn L bán với số tiền là 10.000.000 đồng, khi hay tin ông Đ có ngăn cản và yêu cầu hai người anh của ông trả lại tiền cho ông T nhưng ông T không nhận. Hiện nay trên phần đất tranh chấp với ông T thì ông Đ đã xây cất nhà tiền chế để mua bán có kích thước chiều ngang một bên là 04m, một bên là 08m, dài 13,5m nằm dọc theo lộ, kết cấu xây vách tường giáp phía ông T, còn lại là tiền chế và cửa sắt kéo phía ngoài lộ 13,5m. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T yêu cầu ông Đ phải tháo dỡ công trình và trả lại đất cho ông T thì ông Đ không đồng ý vì đây là đất của cha mẹ ông Đ để lại và ông Đ đang sử dụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:* Trước đây ông T có sử dụng phần đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 54, diện tích 537,5 m² tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận năm 2013, giấy chứng nhận cấp cho hộ nhưng chỉ có ông T là người trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ. Năm 2015 ông T có thỏa thuận bán cho ông N toàn bộ thửa đất này, hiện trạng có nhà ở, có làm hàng rào nhưng chưa hết đất, còn khoảng 2-3 mét phía sau nằm ngoài hàng rào; được biết khi ông N mua thì chủ đất gốc yêu cầu phải trả tiền nếu muốn sử dụng phần đất ở ngoài hàng rào nói trên; sau đó ông N có mua của chủ đất (mẹ của bà L) và sử dụng, trên thực tế phần ông N mua của mẹ bà L là nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T. Sau đó ông N bán lại cho ông T, cũng vẫn chưa làm thủ tục sang tên mà ông N giao Giấy chứng nhận của ông T cho ông T cất giữ và sử dụng đất. Khi ông T sử dụng nghe nói là có mua thêm của anh em ông Đ một phần nữa nhưng bao nhiêu thì ông T không biết. Ngoài ra, khi Tòa án cho ông T xem sơ đồ đo đạc thực tế lập ngày 15/9/2020 thì ông T xác nhận là đúng. Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông T không có ý kiến gì vì phần đất theo Giấy chứng nhận của ông thì ông đã bán xong và không có yêu cầu gì khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh P, anh Nguyễn Trung T và anh Nguyễn Trung T, là vợ và các con của ông T thống nhất với phần trình bày của ông T, không có ý kiến khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn T trình bày:* Cách đây khoảng 03 năm, ông T và Đoàn Văn L có thỏa thuận bán cho ông Bùi Văn T một phần đất của cha mẹ để lại do làm lộ đi ngang qua bị chia tách thành hai phần, một phần giáp với ông T tại ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, do có diện tích nhỏ hẹp nên ông T và ông L mới bán với giá 10.000.000 đồng, có làm giấy tay. Sau khi nhận tiền của ông T thì những người thân không đồng ý, nên sau khoảng 01 tuần lễ, ông T và ông L có đem tiền trả lại cho ông T nhưng ông T không nhận, rồi khoảng 01 năm sau cũng có mang tiền trả cho ông T lần nữa nhưng ông T vẫn không nhận, rồi đi thưa kiện. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T về việc tranh chấp đất với ông Đoàn Văn Đ (là em, của ông T và ông L) tại phần đất mà ông T

và ông L bán cho ông T, thì ông T và ông L muốn được trả lại tiền cho ông T, vì đất là đất của cha mẹ để lại, anh em cũng không đồng ý việc bán cho người khác.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L trình bày:* Ông L thừa nhận và đồng ý với ý kiến, yêu cầu của ông T, không có ý kiến khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST, ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 164 và 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 167, 168, 169, 170 và Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Đoàn Văn Đ phải tháo dỡ công trình xây dựng và trả lại phần đất có diện tích khoảng 53,72 m² liền kề với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cạnh theo mô tả trong đơn khởi kiện là:

- Hướng Đông giáp đất của bà Hai, số đo 01m.
- Hướng Tây giáp đất của bà Chín Quế, số đo 7,5m.
- Hướng Nam giáp lộ nhựa, số đo 12,64m.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 08 ông T, bà Y đang sử dụng, số đo 12,64m.

2. Về án phí: Buộc ông Bùi Văn T và bà Trương Thị Y phải liên đới chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí ông T, bà Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004123 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.593.730 đồng do nguyên đơn ông Bùi Văn T và bà Trương Thị Y phải chịu (đã nộp xong).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 20/01/2022, nguyên đơn ông Bùi Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

- Phải triệu tập có mặt bị đơn để đối chất nhiều vấn đề liên quan đến vụ án.

- Toàn án nhân dân huyện K không đi xác minh nguồn gốc đất khi ông T yêu cầu thu thập, chứng cứ là không đúng quy định.

- Ông T yêu cầu đo và định vị lại toàn bộ diện tích đất của ông Đoàn Văn T là cha của bị đơn ông Đoàn Văn Đ tại thửa số 04, diện tích 7.810m² tọa lạc tại ấp K, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo không cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 hủy bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[3]. Về diện tích phần đất tranh chấp: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Văn Đ tháo dỡ trả lại phần đất có diện tích khoảng 53,72 m² mà ông Đ bao chiếm, sử dụng, xây nhà tiền chế và làm hàng rào trên phần đất này.

[4]. Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp vào ngày 06/8/2020, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đã thể hiện phần đất tranh chấp “Phần III” có tứ cận: Hướng đông giáp đất ông Phạm Văn So, có số đo 2,58m; hướng tây giáp đất ông Điền Ngọc Vĩnh, có số đo 5,67m; hướng nam giáp lộ nhựa (huyện lộ 4) không xác định được do bị đơn không hợp tác; hướng bắc giáp phần 2 (phần ông Tmua của ông Nằm ngoài liền kề với phần 1) có số đo 11,98m, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm không xác định được diện tích. Tuy nhiên, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như sơ đồ

hiện trạng khu đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 15/9/2020 không xác định được phần đất tranh chấp nêu trên cụ thể vị trí thuộc thửa đất nào. Trong quá trình giải quyết, cấp sơ thẩm đã có văn bản số 79/TA-DS ngày 04/02/2021 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện K cung cấp một số thông tin liên quan đến việc quản lý đất, nhưng Ủy ban nhân dân huyện K chưa có văn bản cung cấp thông tin nêu trên.

[5]. Sau khi thụ lý tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã có văn bản số 113 ngày 22/3/2022 về việc yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K xác định vị trí đất tranh chấp theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 15/9/2020 nêu trên đối với phần đất tranh chấp (bao gồm luôn phần đất có diện tích 32,2m² và phần đất tranh chấp chưa xác định được diện tích nêu trên). Ngày 21/4/2022, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K đã ban hành Văn bản số 78/VPĐK-CNKS về việc xác định phần đất có diện tích 32,2m² và phần đất tranh chấp nêu trên thuộc thửa 274 tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị H đứng tên trong sổ mục kê và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6]. Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bà Nguyễn Thị H đã chết vào năm 2018, có chồng tên là Nguyễn Văn D cũng đã chết từ lâu, vợ chồng bà H có tất cả là 03 người con tên là Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa ông Nguyễn Văn Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không đưa bà L và bà T vào tham gia tố tụng. Các người con của bà H đều biết phần đất tranh chấp nêu trên có nguồn gốc của bà H, nhưng do chưa được tham gia tố tụng trong vụ án nên không có ý kiến trình bày. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T vào tham gia tố tụng trong vụ án là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bà.

[7]. Do phần đất tranh chấp thuộc thửa số 274 do bà Nguyễn Thị H đứng tên chứ không thuộc thửa đất số 04 do ông Đoàn Văn T là cha ruột của bị đơn đứng tên nên Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ về nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng phần đất tranh chấp có phải của gia đình bị đơn hay của bà Nguyễn Thị H. Như vậy tại Bản án sơ thẩm đã nhận định tại đoạn [3] của bản án “*Như vậy có căn cứ xác định ông T và ông L đã tự ý chuyển nhượng (bán) cho ông T một phần đất của cha mẹ để lại, nhưng chưa được sự đồng ý của tất cả những người trong hàng thừa kế thứ nhất của người để lại di sản (quyền sử dụng đất) là ông Đoàn Văn T.*”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần đất tranh chấp nêu trên của ông Đoàn Văn T (cha của Đoàn Văn Đ) là chưa có cơ sở như đã phân tích ở trên. Mặt khác Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là của ông Đoàn Văn T nhưng cấp sơ thẩm lại không đưa tất cả những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông T tham gia tố tụng là thiếu sót.

[8]. Từ những thiếu sót trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về thủ tục tố tụng nghiêm trọng trong việc chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ và không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng mà tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ, mà những thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy bản án sơ thẩm

và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm và việc thiếu sót này bị đơn không hợp tác do vậy phát sinh tình tiết mới tại giai đoạn phúc thẩm cho nên đây là lỗi khách quan của Tòa án cấp sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn tại phiên tòa.

[9]. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên nguyên đơn là người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và khoản 1 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn T không phải chịu, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0001607, ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định